

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-12-2020

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Mộng T, sinh năm 1985 (có mặt)

Trú tại: Ấp P, xã C, huyện P, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp X, thị trấn D, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Vũ T1, sinh năm 1984 (có mặt)

Trú tại: Khóm 4, phường 11, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp X, thị trấn D, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Chị Trương Thị Mộng T và anh Lê Vũ T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn, chị T cho rằng anh T1 thường xuyên đánh đập, bạo hành đối với chị nên không thể sống chung với nhau được. Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Hoàng A, sinh ngày 22/02/2010, hiện đang sống chung với chị T. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu. Về nợ chung: Đang sự khai không có nợ chung. Chị Thúy yêu cầu ly hôn; về con chung chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Tại Tòa, chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại tòa bị đơn trình bày:

Anh Lê Vũ T1 thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 thống nhất ly hôn. Tuy nhiên tại tòa, anh T1 không thống nhất ly hôn; Anh Trường thống nhất để chị T trực tiếp nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng; về tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu.

Dại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh T1 là vợ chồng, về con chung đề nghị giao con chung là Trương Hoàng A, sinh ngày 22/02/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung: không có. Về án phí nguyên đơn, bị đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo nguyên đơn và bị đơn trình bày thì chị T và anh T1 không có đăng ký kết hôn, anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007. Hội đồng xét xử xét thấy, khi khởi kiện xin ly hôn các đương sự đều khai thống nhất là không có đăng ký kết hôn. Anh T1 cho rằng còn tình cảm với chị T nên không thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, anh T1 vẫn không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị T vẫn cương quyết ly hôn. Do anh T1 và chị T không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận anh chị là vợ chồng là phù hợp.

[2] Chị T và anh T1 có 01 con chung tên Trương Hoàng A, sinh ngày 22/02/2010, hiện đang sống chung với chị T. Anh, chị cùng thống nhất để trẻ được tiếp tục sống chung với chị Thúy nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tại Tòa, chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Anh T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét thấy, việc chị Thúy yêu cầu anh T1 cấp dưỡng là cao hơn so với quy định và không phù hợp với thu nhập thực tế của anh T1. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng của anh T1.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Đương sự khai không có nợ chung.

[5] Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, 53, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị Mộng T và anh Lê Vũ T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao trẻ Trương Hoàng A, sinh ngày 22/02/2010 cho chị Trương Thị Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trẻ tròn 18 tuổi. Anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trẻ A tròn 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0004299 ngày 29/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh T1 phải chịu là 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Hoài Ân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Các Hội thẩm nhân dân****Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**Lương Phước Đại****Trần Đại Thắng Nguyễn Việt Quốc****Nơi nhận:**

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm